

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ NHU CẦU THAM GIA TẬP LUYỆN NGOẠI KHÓA MÔN CẦU LÔNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

TRINH VIỆT DŨNG\*

Ngày nhận bài: 23/05/2017; ngày sửa chữa: 01/06/2017; ngày duyệt đăng: 12/06/2017.

**Abstract:** The article uses the methods of observation, interview seminars, mathematical statistic to evaluate situation of physical education and demands of training badminton through extracurricular activities of students at Hong Duc University. This is the basis for managers to manage physical education and improve quality of teaching this subject at the university.

**Keywords:** Situation, physical education, extracurricular activities, badminton.

**T**rong lĩnh vực giáo dục thể chất (GDTC), được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các phòng, ban, khoa, bộ môn... nên phong trào rèn luyện thân thể, thi đấu thể thao và học tập môn GDTC của sinh viên (SV) Trường Đại học Hồng Đức (ĐHHĐ) đã đạt được những thành tích nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh chương trình học tập và rèn luyện theo quy định, Nhà trường chưa có chương trình tập luyện ngoại khóa cho SV. Cầu lông là môn thể thao được nhiều SV ưa thích, có điều kiện về cơ sở sân bãi, có giảng viên (GV) chuyên sâu so với các môn thể thao khác. Từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu *thực trạng công tác GDTC và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông của SV Trường ĐHHĐ*.

## 1. Thực trạng nội dung chương trình đào tạo môn GDTC của Trường ĐHHĐ

**1.1. Nội dung chương trình môn GDTC nội khóa.** Hiện tại, chương trình môn GDTC cho SV Trường ĐHHĐ đang được thực hiện 01 chương trình đối với hệ đại học và cao đẳng là 150 tiết, trong 5 kì (tương đương với 5 học phần):

*Bảng 1. Phân bố thời gian học tập môn học GDTC tại Trường ĐHHĐ*

| TT               | Nội dung                          | Số tiết | Học kì |
|------------------|-----------------------------------|---------|--------|
| 1                | Lý thuyết môn học GDTC            | 2       | I      |
|                  | Kĩ thuật các môn thể dục cơ bản:  | 6       |        |
|                  | - Thể dục (bài thể dục tay không) |         |        |
|                  | - Điền kinh:                      |         |        |
| Nhảy cao úp bụng | 22                                |         |        |
| 2                | Điền kinh:                        | 8       | II     |
|                  | - Chạy cự li ngắn                 |         |        |
|                  | - Nhảy xa ưỡn thân                |         |        |
| 3                | Bóng chuyền                       | 30      | III    |
| 4                | Bóng rổ                           | 30      | IV     |
| 5                | Cầu lông                          | 30      | V      |
| Tổng             |                                   | 150     |        |

**1.2. Kết quả học tập môn GDTC của SV.** Kết quả học tập môn GDTC của SV các khoa tại Trường ĐHHĐ được tổng hợp điểm thi kết thúc các môn học năm học 2015-2016, thể hiện thông qua *biểu đồ 1*:

| TT               | Nội dung                          | Số tiết | Học kì |
|------------------|-----------------------------------|---------|--------|
| 1                | Lý thuyết môn học GDTC            | 2       | I      |
|                  | Kĩ thuật các môn thể dục cơ bản:  | 6       |        |
|                  | - Thể dục (bài thể dục tay không) |         |        |
|                  | - Điền kinh:                      |         |        |
| Nhảy cao úp bụng | 22                                |         |        |
| 2                | Điền kinh:                        | 8       | II     |
|                  | - Chạy cự li ngắn                 |         |        |
|                  | - Nhảy xa ưỡn thân                |         |        |
| 3                | Bóng chuyền                       | 30      | III    |
| 4                | Bóng rổ                           | 30      | IV     |
| 5                | Cầu lông                          | 30      | V      |
| Tổng             |                                   | 150     |        |

*Biểu đồ 1. So sánh kết quả học tập môn GDTC của SV Trường ĐHHĐ Thanh Hóa năm học 2015-2016*

## 2. Sự quan tâm của lãnh đạo Nhà trường đối với công tác GDTC

Trong những năm qua, Nhà trường đã xác định SV là trọng tâm của quá trình đào tạo, nhiệm vụ của toàn bộ hoạt động GD-ĐT trong trường là hướng tới và tạo điều kiện tốt nhất để SV phát huy tính tự chủ trong học tập và rèn luyện. Năm học 2015-2016, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 35 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí, GV của các đơn vị có liên quan (Ban Giám hiệu, Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên, cán bộ quản lí các khoa và GV khoa GDTC), kết quả như *bảng 2*.

*Bảng 2* cho thấy, công tác GDTC trong những năm qua được đánh giá là đã đáp ứng từng phần những yêu cầu đặt ra của Nhà trường và chương

\* Trường Đại học Hồng Đức

**Bảng 2. Thực trạng công tác GDTC của Trường ĐHHĐ (n = 35)**

| T  | Nội dung phỏng vấn  | Kết quả phỏng vấn |       |
|--|---|-------------------|-------|
|  |   | n                 | %     |
| <b>Đánh giá công tác GDTC</b>                      |   |                   |       |
| 1  | Đáp ứng yêu cầu của Bộ GD-ĐT, Kỹ thuật đánh cầu (phải, trái thấp tay) và của nhà trường | 12                | 34,29 |
|  | Đáp ứng từng phần yêu cầu   | 23                | 65,71 |
|  | Chưa đáp ứng  | 0                 | 0,00  |
| <b>Những vấn đề mà công tác GDTC cần tập trung</b> |   |                   |       |
| 2  | Đảng ủy, Ban Giám hiệu luôn quan tâm  | 33                | 94,28 |
|  | Cần củng cố công tác quản lý Khoa GDTC - Giáo dục quốc phòng                            | 29                | 82,85 |
|  | Cần nâng cao chất lượng GV thể dục thể thao (TDTT)                                      | 31                | 88,57 |
|  | Phải cải tiến phương pháp giảng dạy TDTT phù hợp điều kiện nhà trường                   | 31                | 88,57 |
|  | Cần phải tăng cường cơ sở vật chất sân bãi  | 5                 | 14,28 |
|  | Tăng kinh phí dành cho hoạt động thể thao   | 34                | 97,14 |
|  | Cần tổ chức các hoạt động thể thao  | 32                | 91,42 |
|  | Cần tổ chức các giải thể thao, câu lạc bộ, đội tuyển                                    | 35                | 100   |
| <b>Công tác tổ chức bộ môn</b>                     |   |                   |       |
| 3  | Công tác kế hoạch bộ môn:   | -                 | -     |
|  | - Đã làm thường xuyên   | 8                 | 22,85 |
|  | - Chưa thường xuyên   | 8                 | 22,85 |
|  | Xây dựng lại chương trình, nội dung giảng dạy   | 21                | 60    |
|  | Đưa kết quả môn học GDTC vào bảng điểm như các môn học khác                             | 31                | 88,57 |
| <b>Công tác kế hoạch tổ chức</b>                   |   |                   |       |
| 4  | Công tác chỉ đạo, kiểm tra chuyên môn với GV  | -                 | -     |
|  | - Thường xuyên  | 14                | 40    |
|  | - Chưa thường xuyên   | 21                | 60    |
|  | Công tác hướng dẫn SV tập luyện ngoại khóa của GV                                       | -                 | -     |
|  | - Thường xuyên  | 0                 | 0,00  |
|  | - Thỉnh thoảng  | 10                | 28,57 |
|  | - Chưa có   | 25                | 71,43 |

trình GDTC của Bộ GD-ĐT. Trong những năm tới, để nâng cao chất lượng công tác GDTC, Nhà trường cần quan tâm đến những vấn đề mà các ý kiến

**khóa môn Cầu lông của SV Trường ĐHHĐ**

Để tìm hiểu về tâm tư và nhu cầu tập luyện ngoại khóa cũng như nhu cầu, sự ham thích tập luyện môn

phỏng vấn tập trung lựa chọn, bao gồm: - Cần sự quan tâm hơn của lãnh đạo nhà trường; - Cần nâng cao chất lượng, trình độ của GV; - Cần phải tăng kinh phí dành cho công tác giảng dạy và tập luyện TDTT; - Cần củng cố công tác quản lý bộ môn, cải tiến phương pháp tổ chức giảng dạy nội khóa và tổ chức các hoạt động ngoại khóa đáp ứng nhu cầu tập luyện và rèn luyện thân thể của SV; - Cần tăng cường tổ chức các giải thể thao nhiều hơn, tổ chức và thành lập các câu lạc bộ thể thao để thu hút SV có năng khiếu và ham thích đến tập luyện. Ngoài ra, khi tọa đàm trực tiếp với đối tượng phỏng vấn, các ý kiến đều mong muốn cần tăng cường công tác xã hội hoá trong hoạt động thể thao và tập luyện TDTT trong nhà trường.

**3. Nhu cầu tập luyện ngoại khóa và nhu cầu tham gia tập luyện ngoại**

**Bảng 3. Thực trạng nhu cầu tập luyện ngoại khóa của SV Trường ĐHHĐ**

| T   | Nội dung phỏng vấn                               | Năm thứ 1 (n = 305) |      | Năm thứ 2 (n = 307) |      | Năm thứ 3 (n = 315) |      | Tổng cộng (n = 927) |      |
|---|--|---------------------|------|---------------------|------|---------------------|------|---------------------|------|
|   |  | n                   | %    | n                   | %    | n                   | %    | n                   | %    |
| <b>Động cơ tập luyện TDTT</b>                                 |  |                     |      |                     |      |                     |      |                     |      |
| 1   | Ham thích  | 132                 | 43,3 | 138                 | 44,9 | 145                 | 46,0 | 415                 | 47,7 |
|   | Nhận thấy tác dụng của rèn luyện thể thao        | 92                  | 30,2 | 98                  | 31,9 | 100                 | 31,7 | 290                 | 31,2 |
|   | Bắt buộc   | 33                  | 10,1 | 32                  | 10,4 | 33                  | 10,4 | 98                  | 10,5 |
|   | Không có điều kiện                               | 49                  | 16,1 | 48                  | 15,6 | 45                  | 14,2 | 142                 | 15,3 |
| <b>Đánh giá giờ học nội khóa</b>                              |  |                     |      |                     |      |                     |      |                     |      |
| 2   | Cung cấp kiến thức về TDTT                       | 65                  | 21,3 | 66                  | 21,4 | 66                  | 20,9 | 197                 | 21,2 |
|   | Trang bị kỹ thuật môn thể thao                   | 63                  | 20,7 | 67                  | 21,8 | 64                  | 20,3 | 194                 | 20,9 |
|   | Nâng cao được sức khoẻ                           | 68                  | 22,3 | 69                  | 22,4 | 68                  | 21,6 | 205                 | 22,1 |
|   | Giờ học sôi động                                 | 5                   | 1,6  | 5                   | 1,6  | 7                   | 2,2  | 17                  | 1,8  |
|   | Giờ học khô khan                                 | 100                 | 32,8 | 106                 | 33,5 | 115                 | 36,5 | 321                 | 34,6 |
| Không đủ sân bãi dụng cụ                                      | 1  | 0,32                | 2    | 0,7                 | 0    | 0                   | 3    | 0,3                 |      |
| <b>Số SV tập luyện ngoại khóa</b>                             |  |                     |      |                     |      |                     |      |                     |      |
| 3   | Thường xuyên                                     | 10                  | 3,2  | 12                  | 3,9  | 15                  | 3,2  | 37                  | 3,9  |
|   | Thỉnh thoảng                                     | 114                 | 37,4 | 119                 | 38,7 | 124                 | 39,3 | 357                 | 38,5 |
|   | Không tập  | 184                 | 60,0 | 184                 | 59,9 | 190                 | 60,3 | 558                 | 60,1 |
| <b>Yếu tố ảnh hưởng đến giờ học GDTC chính khóa</b>           |  |                     |      |                     |      |                     |      |                     |      |
| 4   | Do điều kiện sân bãi                             | 11                  | 3,6  | 11                  | 3,6  | 12                  | 3,8  | 34                  | 3,6  |
|   | Do trình độ GV                                   | 152                 | 49,8 | 153                 | 49,8 | 156                 | 49,5 | 461                 | 49,7 |
|   | Thiếu dụng cụ tập luyện                          | 116                 | 38,0 | 115                 | 37,4 | 124                 | 39,3 | 355                 | 38,2 |
|   | Không có đủ trang bị giày, quần áo               | 25                  | 8,1  | 33                  | 10,7 | 30                  | 9,5  | 88                  | 9,4  |
| <b>Yếu tố ảnh hưởng đến việc tập luyện ngoại khóa</b>         |  |                     |      |                     |      |                     |      |                     |      |
| 5   | Không có GV hướng dẫn                            | 188                 | 61,6 | 192                 | 62,5 | 198                 | 62,9 | 578                 | 62,2 |
|   | Không có thời gian                               | 32                  | 10,4 | 30                  | 9,7  | 31                  | 9,8  | 93                  | 10,0 |
|   | Không có đủ điều kiện sân bãi, dụng cụ tập luyện | 30                  | 9,8  | 26                  | 8,4  | 23                  | 7,3  | 79                  | 8,5  |
|   | Không được sự ủng hộ bạn bè                      | 29                  | 9,5  | 30                  | 9,7  | 30                  | 9,5  | 89                  | 9,6  |
|   | Không ham thích môn thể thao nào                 | 22                  | 7,2  | 23                  | 7,4  | 28                  | 8,8  | 73                  | 7,8  |
| <b>Nhu cầu tham gia tập luyện tại các câu lạc bộ thể thao</b> |  |                     |      |                     |      |                     |      |                     |      |
| 6   | Rất muốn   | 226                 | 74,0 | 228                 | 74,2 | 242                 | 76,8 | 696                 | 75,0 |
|   | Bình thường                                      | 61                  | 20,0 | 62                  | 20,1 | 60                  | 19,0 | 183                 | 19,7 |
|   | Không cần thiết                                  | 22                  | 7,2  | 20                  | 6,5  | 14                  | 4,4  | 58                  | 6,2  |

Cầu lông của SV Trường ĐHHĐ, chúng tôi tiến hành điều tra thực trạng việc tập luyện ngoại khóa thông qua hình thức phiếu phỏng vấn (số phiếu phát ra 1.000, thu về 927). Đối tượng phỏng vấn là 927 SV hiện đang học tại Trường ĐHHĐ (năm học 2015-2016). Kết quả thu được thể hiện ở **bảng 3** và **bảng 4**.

**Bảng 3** và **4** cho thấy:

- Động cơ tập luyện của SV chủ yếu là do ham thích thể thao (47,7%). Một số lớn nhận thấy tác dụng của rèn luyện thể thao (31,2%).

- Đánh giá về giờ học nội khóa có đến 34,6% số SV được hỏi cho rằng giờ học nội khóa còn khô khan, cứng nhắc, thiếu hấp dẫn để kích thích SV tập luyện.

- Về hoạt động ngoại khóa, tự tập luyện thì tỉ lệ SV được hỏi không tập TDTT cũng chiếm tới 60,1%; còn 38,5% thỉnh thoảng có tham gia tập; số SV tập luyện thường xuyên chiếm rất ít, chỉ đạt 3,1%.

**Bảng 4. Lựa chọn môn thể thao tập luyện ngoại khóa của SV Trường ĐHHĐ**

| T | Nội dung phỏng vấn | Năm thứ 1<br>(n = 305) |      | Năm thứ 2<br>(n = 307) |      | Năm thứ 3<br>(n = 315) |      | Tổng cộng<br>(n = 927) |       |
|---|--------------------|------------------------|------|------------------------|------|------------------------|------|------------------------|-------|
|   |                    | n                      | %    | n                      | %    | n                      | %    | n                      | %     |
| 1 | Cầu lông           | 296                    | 97,0 | 299                    | 98,0 | 307                    | 97,4 | 902                    | 97,3  |
| 2 | Bóng bàn           | 116                    | 38,0 | 115                    | 37,4 | 124                    | 39,3 | 355                    | 38,2  |
| 3 | Bóng rổ            | 188                    | 61,6 | 192                    | 62,5 | 198                    | 62,9 | 578                    | 62,2  |
| 4 | Bóng chuyền        | 100                    | 32,8 | 106                    | 33,5 | 115                    | 36,5 | 321                    | 34,6  |
| 5 | Bơi                | 92                     | 30,2 | 98                     | 31,9 | 100                    | 31,7 | 290                    | 31,2  |
| 6 | Thể dục dã ngoại   | 20                     | 6,5  | 21                     | 6,8  | 22                     | 6,9  | 63                     | 20,24 |
| 7 | Thể dục thẩm mỹ    | 61                     | 20,0 | 62                     | 20,1 | 60                     | 19,0 | 183                    | 19,7  |

- Những yếu tố được đánh giá là ảnh hưởng đến tập luyện ngoại khóa, rèn luyện thân thể của SV là: không có tổ chức, GV hướng dẫn (62,2%) và cũng một phần do chương trình học tập nặng nề nên thiếu thời gian.

- Nhu cầu tham gia tập luyện dưới các hình thức câu lạc bộ, lớp ngoại khóa có GV hướng dẫn được SV đánh giá rất cao, số phiếu hỏi có nguyện vọng tham gia chiếm đến 75,0%.

- Khi được hỏi về việc lựa chọn môn thể thao yêu thích để tập luyện ngoại khóa, phần lớn các em lựa chọn môn Cầu lông (năm thứ 1 là 97,0%, năm thứ 2 là 98,0%, năm thứ 3 là 97,4%). Như vậy có thể thấy, môn Cầu lông thu hút được sự quan tâm của đông đảo SV. Điều này cũng có thể lý giải rằng, môn Cầu lông đã được đưa vào hệ thống thi đấu nhà nghề tại Việt Nam, đồng thời cũng được Bộ GD-ĐT chính thức

đưa vào hệ thống thi đấu nghiệp vụ sư phạm toàn quốc với định kỳ 2 năm 1 lần.

\*\*\*

Công tác GDTC ở Trường ĐHHĐ trong những năm qua được đánh giá là đã đáp ứng từng phần những yêu cầu đặt ra của nhà trường và chương trình GDTC của Bộ GD-ĐT. Trong những năm tới, để nâng cao chất lượng công tác GDTC trong nhà

trường, bên cạnh thực hiện tốt nội dung chính khóa, cần chú ý hơn tới hình thức và phương pháp tổ chức các hoạt động ngoại khóa TDTT cho SV, đặc biệt là Cầu lông - môn thể thao yêu thích tập luyện ngoại khóa được phần lớn SV lựa chọn. □

**Tài liệu tham khảo**

[1] Dương Nghiệp Chí (1983). *Đo lường thể thao*. NXB Thể dục thể thao.  
 [2] Lưu Quang Hiệp - Phạm Thị Uyên (1995). *Sinh lý học thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao.  
 [3] Lê Thanh Sang (1996). *Tập đánh Cầu lông*. NXB Thể dục thể thao.  
 [4] Nguyễn Xuân Sinh (1999). *Giáo trình nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao.  
 [5] Nguyễn Ngọc Thúy (1997). *Huấn luyện kỹ, chiến thuật Cầu lông hiện đại*. NXB Thể dục thể thao.

**Giáo dục ý thức quyền con người...**

(Tiếp theo trang 244)

Nhận thức vai trò của văn hóa, giáo dục đối với việc nâng cao khả năng thực thi, hiệu quả thực thi QCN có ý nghĩa quan trọng. Chính văn hóa, giáo dục là con đường nhanh nhất và bền vững nhất để nâng cao ý thức QCN trong cộng đồng, từ đó, có tác động mạnh đến quá trình triển khai thực hiện các cam kết, chủ chương trong vấn đề QCN được đi vào thực tiễn một cách thiết thực, hiệu quả. QCN của đồng bào dân tộc Mông ở các tỉnh Tây Bắc đang được tạo dựng về thể chế và thiết chế thuận lợi để đảm bảo thực hiện. Nhưng điều quan trọng có tính quyết định lại nằm chính trong nội tại dân tộc Mông. Chỉ khi nào ý thức QCN, trình độ văn hóa, đội ngũ cán bộ người dân tộc Mông không ngừng được nâng cao về mọi mặt, có khả năng thực hiện, giám sát quá trình thực thi QCN thì khi đó, những tiến bộ trong đảm bảo QCN mới trở

thành bền vững, đem lại những lợi ích thiết thực cho người dân. □

**Tài liệu tham khảo**

[1] Đâu Tuấn Nam (2013). *Di cư của của người H'Mông từ đổi mới đến nay*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.  
 [2] Hoàng Văn Hào - Chu Hồng Thanh (1996). *Một số vấn đề về quyền kinh tế, xã hội*. NXB Lao động.  
 [3] Giảng Seo Phử (2013). *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.  
 [4] Nguyễn Đăng Thành (2010). *Đặc điểm nguồn nhân lực thiếu số Việt Nam*. NXB Lao động xã hội.  
 [5] Liên hợp quốc - Ủy ban dân tộc (2007). *Báo cáo Nghiên cứu nghèo dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2012*.  
 [6] Ban Chấp hành Trung ương (1994). *Báo cáo Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện Chỉ thị 45/CT-TW/1994 về Một số công tác ở vùng dân tộc Mông của Ban bí thư - Khóa VII*.